

Sao kê chi tiết từ: 20/04/2016 đến 20/04/2016

From date To date

Mã khách hàng : 99999881 Số cũ: 120003469

CIF NO

Loại tiền : VND

Currency

Tên tài khoản : TRUONG DHL HN-TK CHUYEN THU-VND

Account Name

Số tài khoản : 999998819998 Số cũ: 41201200034697049999

Account Number

Tên khách hàng : TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI

Customer Name

Địa chỉ : SO 87 NGUYEN CHI THANH . Q.DONG DA TP.HA NOI

Address

Ngày in : 21/04/2016

Printing date

Ngày giao dịch Txn. date	Ngày hiệu lực Value date	Nội dung giao dịch Description	Số giao dịch Txn. No	Ghi nợ Debit	Ghi có Credit	Số dư Balance
Số dư đầu kỳ Opening Balance						2,325,216,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN DIEU THUY MSSV:372308 NOP TIEN HOC PHI	101NT01161110001		1,800,000.00	2,327,016,469.00
20/04/2016	20/04/2016	vu thi hoai thu nop tien, ms sv 371962~NC:vu thi hoai thu - Nguoi chuyen: vu thi hoai thu	001CTD1161110005		2,880,000.00	2,329,896,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NOP TIEN HOC PHI KI II (DANG THI VIET HA MSSV 372629) NHAN TAI NH TMCPBUU DIEN LIEN VIET CHI NHANH DONGDO ~NC:SO 9 NGO 159 CHUA LANG DONG DA HN - Nguoi chuyen: SO 9 NGO 159 CHUA LANG DONG DA HN	001CTD1161110023		1,800,000.00	2,331,696,469.00
20/04/2016	20/04/2016	Nguyen Hoang Thu Ha; 380562~NC:NGUYEN HOANG THU HA - Nguoi chuyen: NGUYEN HOANG THU HA	001CTD1161110045		3,240,000.00	2,334,936,469.00
20/04/2016	20/04/2016	Phan Huyen Trang Ma so sinh vien 380245~NC:Vu Thi Quyen - Nguoi chuyen: Vu Thi Quyen	001CTD1161110062		3,240,000.00	2,338,176,469.00
20/04/2016	20/04/2016	MA THU THAO QUYNH MSSV 380701 NOP HOC PHI KY 2 NAM 2016.~NC:MA THU THAO QUYNH - Nguoi chuyen: MA THU THAO QUYNH	001CTD1161110064		3,420,000.00	2,341,596,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BAN THI CHUNG MSV:390905 NOP TIEN HOC PHI KY 2 NAM 2015 2016~NC:BAN THI CHUNG - Nguoi chuyen: BAN THI CHUNG	001CTD1161110065		3,060,000.00	2,344,656,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM THI DIEU MSV: 380626 LOP: 06 NOP TIEN HOC PHI HOC KY 2 NAM HOC 2016	124NT01161110001		3,960,000.00	2,348,616,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG THU HA MSV: 380633 LOP: 06 NOP TIEN HOC PHI HOC KY 2 NAM HOC 2016	124NT01161110002		540,000.00	2,349,156,469.00
20/04/2016	20/04/2016	KIEU THI TUYET MSV: 381414 LOP: 3814 NOP TIEN HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	124NT01161110003		3,600,000.00	2,352,756,469.00

20/04/2016	20/04/2016	DINH DIEU LINH NOP HOC PHI KY II NAM 2015-2016 MSSV: 391436 KHOA 39 LOP 3914 CHO TRUONG DH LUAT HA NOI	101NT01161110003		3,420,000.00	2,356,176,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VU THI MINH THUONG NOP HOC PHI KY II NAM 2015-2016 MSSV: 391445 LOP 3914 KHOA 39 CHO TRUONG DH LUAT HA NOI	101NT01161110004		3,420,000.00	2,359,596,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGO THI QUYNH NGA MSSV 391147 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110003		2,880,000.00	2,362,476,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DINH HUONG THAO MSSV 391115 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110004		3,060,000.00	2,365,536,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DUONG THI MUNG MSSV 391124 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110005		3,060,000.00	2,368,596,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM QUOC DAT MSSV 380559 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110006		3,060,000.00	2,371,656,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VU NHAT LINH MSSV 391881 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110007		5,850,000.00	2,377,506,469.00
20/04/2016	20/04/2016	dong hoc phi cho Hoang Thi Quynh Ma SV 392120, Truong DH luat HN~NC:Hoang Van Toan - Nguoi chuyen: Hoang Van Toan	001CTD1161110090		14,500,000.00	2,392,006,469.00
20/04/2016	20/04/2016	CHU THI NGOC MAI MSSV: 390115 NHP	120NT01161110003		3,240,000.00	2,395,246,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI THU TRANG MSSV: 382640 NTHP	120NT01161110004		3,600,000.00	2,398,846,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DUONG MAI ANH MSSV: 382041 NTHP	120NT01161110005		3,420,000.00	2,402,266,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG VIET HA MSSV: 382042 NTHP	120NT01161110006		3,420,000.00	2,405,686,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THU GIANG MSSV: 382040 NTHP	120NT01161110007		3,420,000.00	2,409,106,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DO THI KIM OANH MSSV:391849 NTHP	120NT01161110008		3,600,000.00	2,412,706,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI NHU QUYNH MSSV: 391843 NTHP	120NT01161110009		3,060,000.00	2,415,766,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN GIA HAI MSSV: K14ACQ008 NTHP	120NT01161110010		4,575,000.00	2,420,341,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HA THI NGOC YEN MSSV: 382736 NTHP	120NT01161110011		2,700,000.00	2,423,041,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI THUY MSSV: 381126 NTHP	120NT01161110012		3,060,000.00	2,426,101,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BUI THI HAI YEN MSSV: 391845 NTHP	120NT01161110013		3,060,000.00	2,429,161,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG THI THAO MSSV 382005 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110008		3,060,000.00	2,432,221,469.00
20/04/2016	20/04/2016	QUAN THI HIEU MSSV 380312 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110009		3,060,000.00	2,435,281,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BAN THI HUE MSSV 382011 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110010		3,420,000.00	2,438,701,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI MAI CHI MSSV 382621 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110011		2,700,000.00	2,441,401,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LANH THANH HUYEN MSSV 382620 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110012		2,700,000.00	2,444,101,469.00

20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN TRUNG ANH MSSV 382626 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110013		2,700,000.00	2,446,801,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BACH THI HONG LY MSSV 382839 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110014		2,700,000.00	2,449,501,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG THI HAI YEN MSV 380132 NT	120NT01161110014		3,240,000.00	2,452,741,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LE VAN QUANG MSV 371760 NT	120NT01161110015		2,160,000.00	2,454,901,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI VAN ANH MSV 382608 NT	120NT01161110016		2,700,000.00	2,457,601,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BUI BINH GIANG MSV 382602 NT	120NT01161110017		2,700,000.00	2,460,301,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN NGOC HIEN ANH MSV 382116 NT	120NT01161110018		3,240,000.00	2,463,541,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN NGOC NHU MSV 382553 NT	120NT01161110019		2,700,000.00	2,466,241,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRIEU HONG HA MSV 380106 NT	120NT01161110020		3,960,000.00	2,470,201,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DINH NGOC ANH MSV 390635 NT	120NT01161110021		3,420,000.00	2,473,621,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI MINH HANH MSV 382631 NT	120NT01161110022		2,700,000.00	2,476,321,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI THU HUYEN MSV 390507 NT	120NT01161110023		3,060,000.00	2,479,381,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM THU THAO MSV 381847 NT	120NT01161110024		3,060,000.00	2,482,441,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LUYEN THI HIEN MSV 382019 NT	120NT01161110025		3,600,000.00	2,486,041,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DAO NHAT MY MSV 381807 NT	120NT01161110026		3,240,000.00	2,489,281,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM THI THU TRANG MSV 381128 NT	120NT01161110027		3,060,000.00	2,492,341,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG TUAN DUNG MSV 381640 NT	120NT01161110028		3,420,000.00	2,495,761,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THUY LINH MSV 382729 NT	120NT01161110029		2,700,000.00	2,498,461,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI HIEU MSV 382730 NT	120NT01161110030		3,240,000.00	2,501,701,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BUI THI HUYEN - MSSV 370350 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161110015		810,000.00	2,502,511,469.00
20/04/2016	20/04/2016	SV: DUONG THI THAO, MSSV: 390419	121NT01161110003		2,520,000.00	2,505,031,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VAN THI TUYET MSV390449 NT	120NT01161110031		3,060,000.00	2,508,091,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LUONG DUC DON - MSSV 380161 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161110016		3,420,000.00	2,511,511,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VU THI THU HA MSSV 371632 NOP HOC PHI KI 2 (2015-2016)	103NT01161110017		1,440,000.00	2,512,951,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI MINH KHUE MSSV 370953 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110018		1,260,000.00	2,514,211,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BE DUC TAM MSSV 380301 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161110019		3,780,000.00	2,517,991,469.00
20/04/2016	20/04/2016	MAI KIM ANH- MSSV 390515 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161110020		2,520,000.00	2,520,511,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM THANH HAI MSSV 382625 NOP HOC PHI KI II NAM 2015-2016	103NT01161110021		2,700,000.00	2,523,211,469.00

20/04/2016	20/04/2016	HA THI HUYEN - MSSV 370704 NOP HOC PHI HOC KY II (2015-2016)	103NT01161110022		900,000.00	2,524,111,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TA THI HUONG- MSSV 371023 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110023		3,420,000.00	2,527,531,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BUI THI NHA PHUONG MSSV:390744 LOP 3907 NOP HP KY 2 NAM HOC 2015-2016	111NT01161110010		2,880,000.00	2,530,411,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NT hoc phi ky II 2015/2016 SV Nguyen Thi Phuong MSSV 370449~NC:NGUYEN THI PHUONG - Nguoi chuyen: NGUYEN THI PHUONG	001CTD1161110120		1,800,000.00	2,532,211,469.00
20/04/2016	20/04/2016	IB CK LNH -LE THI NGOC HA MSSV 392446 NOP TIEN HOC PHI~NC:LE VAN LUAN - Nguoi chuyen: LE VAN LUAN	001CTD1161110167		2,160,000.00	2,534,371,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NONG BICH THU MSV 371501 NT	120NT01161110032		1,260,000.00	2,535,631,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI THU HUONG MSV 391966 NT	120NT01161110033		3,420,000.00	2,539,051,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BUI THI PHUONG THAO MSV 382235 NT	120NT01161110034		3,240,000.00	2,542,291,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI MAI MSV 382734 NT	120NT01161110035		2,700,000.00	2,544,991,469.00
20/04/2016	20/04/2016	CU THI NHUNG MSV 381817 NT	120NT01161110036		3,060,000.00	2,548,051,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BUI THI DUONG MSSV:390441 LOP 3904 NT HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	124NT01161110006		3,060,000.00	2,551,111,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN THI THANH THU MA SSV: 391906 NOP TIEN HOC KY 2 NAM 2015-2016	105NT01161110012		3,060,000.00	2,554,171,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BUI THI THUY MSV:382835, LOP:3828-KHOA 38 NOP TIEN HOC PHI HOC KY 2 NAM HOC 2015-2016	124NT01161110007		3,240,000.00	2,557,411,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI QUYEN MSSV:380451 NOP TIEN HOC KI II NAM HOC 2015-2016	102NP03161110001		3,600,000.00	2,561,011,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN THI BICH HUONG NOP TIEN HOC PHI CHO SV: PHAM THI THUY LINH, MA SV:382060 LOP 3820 KHOA PHAP LUAT QUOC TE. NAM HOC 2015-2016 20 TIN CHI	360NT02161110001		3,600,000.00	2,564,611,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VU THI HONG NHUNG MSV 372525 NT	120NT01161110037		1,800,000.00	2,566,411,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TONG THUC LINH MSV 381816 NT	120NT01161110038		3,420,000.00	2,569,831,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN NGOC LAN - 372530 - NOP HOC PHI	002NP03161110001		1,800,000.00	2,571,631,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LY THI MAI PHUONG MSSV: 381858 NTHP	120NT01161110040		3,240,000.00	2,574,871,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI THAI MSSV: 372650 NTHP	120NT01161110041		1,800,000.00	2,576,671,469.00
20/04/2016	20/04/2016	QUACH THUY LINH MSSV: 382145 NTHP	120NT01161110042		3,240,000.00	2,579,911,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BUI HOANG HONG HANH MSSV: 381424 NTHP	120NT01161110043		3,060,000.00	2,582,971,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI HOA MSSV: 382532 NTHP	120NT01161110044		2,700,000.00	2,585,671,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HA THU THAO- LOP 3913- MA SV 391358 nop tien hoc phi	130f735161110001		3,420,000.00	2,589,091,469.00

20/04/2016	20/04/2016	DO HUONG LINH MSSV: 380261 NTHP	120NT01161110045		3,420,000.00	2,592,511,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI THU HUYEN MSSV: 382438 NTHP	120NT01161110046		3,240,000.00	2,595,751,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LUONG THI PHUONG MSSV: 381428 NTHP	120NT01161110047		3,600,000.00	2,599,351,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI PHUONG THAO MSSV: 381438 NTHP	120NT01161110048		3,600,000.00	2,602,951,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DOAN VU HOAI NAM MSSV: 382649 NTHP	120NT01161110049		2,700,000.00	2,605,651,469.00
20/04/2016	20/04/2016	CHU NGHIA HIEP MSSV: 382534 NTHP	120NT01161110050		2,700,000.00	2,608,351,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VUONG MAC KHAI MSSV: 382548 NTHP	120NT01161110051		2,700,000.00	2,611,051,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN HOANG ANH MSSV: 390157 NTHP	120NT01161110052		3,420,000.00	2,614,471,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI LAN NTHP MSSV: 382713	120NT01161110053		2,700,000.00	2,617,171,469.00
20/04/2016	20/04/2016	QUACH THI NGOC HUYEN MSV:381955 NOP HP KY 2 NAM HOC 2015-2016	111NT01161110013		3,420,000.00	2,620,591,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DAO THU GIANG MSSV:381945 NOP HP KY 2 NAM HOC 2015-2016	111NT01161110014		3,600,000.00	2,624,191,469.00
20/04/2016	20/04/2016	Ho ten: Bui Thi My Ngoc, Ma sinh vien: 382560~NC:Bui Xuan Hoi - Nguoi chuyen: Bui Xuan Hoi	001CTD1161110208		2,700,000.00	2,626,891,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NOP TIEN HOC PHI CHO Nguyen Kim Thanh Ma SV 391460. NHAN TAI DONG DO.~NC:HOANG VIET ANH - Nguoi chuyen: HOANG VIET ANH	001CTD1161110228		14,040,000.00	2,640,931,469.00
20/04/2016	20/04/2016	Nguyen Le Quan -MSV 380957 -20 tin chi~NC:TRAN THI THU HIEN - Nguoi chuyen: TRAN THI THU HIEN	001CTD1161110231		3,600,000.00	2,644,531,469.00
20/04/2016	20/04/2016	MSSV: 391546 HO VA TEN: NGUYEN DUC HIEP NOP HOC PHI TRUONG DH LUAT HN	100NT01161110003		3,420,000.00	2,647,951,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LY KE THIEN NT HOC PHI KY II -SV: LY THU THAO -MSV: 392570	260NT02161110001		5,160,000.00	2,653,111,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN TRUC QUYNH MSSV 372322 NOP TIEN HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	290NT02161110004		1,800,000.00	2,654,911,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI HONG LOAN.MSSV: 380904.NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110054		3,600,000.00	2,658,511,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VI THI PHUONG.MSSV: 382311. NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110055		2,700,000.00	2,661,211,469.00
20/04/2016	20/04/2016	SIN THI NGUYEN MSSV:392301 NOP TIEN HOC PHI	101NT01161110007		2,880,000.00	2,664,091,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG VAN VAN.MSSV: 380257	120NT01161110056		540,000.00	2,664,631,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM THAO LINH MSSV:390359 NOP TIEN HOC PHI	101NT01161110008		2,520,000.00	2,667,151,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BUI THI BICH.M,MSSV: 382318	120NT01161110057		3,240,000.00	2,670,391,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM THI NHUNG.MSSV: 391542. NOP TIEN HOC	120NT01161110058		3,420,000.00	2,673,811,469.00

20/04/2016	20/04/2016	PHAM THI THU CUC.MSV: 380925	120NT01161110059		3,600,000.00	2,677,411,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN THI THUY MSSV 382564 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110025		6,450,000.00	2,683,861,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG MAI LINH MSSV 382762 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110026		2,700,000.00	2,686,561,469.00
20/04/2016	20/04/2016	MA THI CHUYEN MSSV 391932 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110027		2,880,000.00	2,689,441,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAN THI HAI YEN MSSV 372333 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110028		1,800,000.00	2,691,241,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGO THI THANH DUNG MSSV 382111 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110029		3,240,000.00	2,694,481,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TY THI THUY TRANG MSSV 380136 NT HP	120NT01161110060		3,960,000.00	2,698,441,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRUONG THI QUYEN MSSV 380133 NT HP	120NT01161110061		3,420,000.00	2,701,861,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI THU HIEN MSSV 371337 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110030		2,160,000.00	2,704,021,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DANG THI YEN MSSV 382505 NT HP	120NT01161110062		2,700,000.00	2,706,721,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI BAO YEN MSSV 391969 NT HP	120NT01161110063		3,600,000.00	2,710,321,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM THI HAI YEN MSSV 381829 NT HP	120NT01161110064		3,600,000.00	2,713,921,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN VAN QUYEN MSSV 382354 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110031		2,700,000.00	2,716,621,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DANG HAI VAN MSSV 391856	120NT01161110065		3,060,000.00	2,719,681,469.00
20/04/2016	20/04/2016	CHU MAI LINH MSSV 382206 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110032		3,240,000.00	2,722,921,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VU THI HA MSSV 391741 NT HOC	120NT01161110066		4,140,000.00	2,727,061,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BUI DUC DIEM MSSV 370663 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110033		1,080,000.00	2,728,141,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BUI THI VAN ANH MSV 390255 NT	120NT01161110067		2,880,000.00	2,731,021,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HA NGOC ANH MSSV 391855 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110034		3,600,000.00	2,734,621,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI PHUONG THAO MSSV 390361 NOP HOC PHI KI II 2015-2016	103NT01161110035		2,880,000.00	2,737,501,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HA THI PHUONG LY - MSSV 382810 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161110036		2,700,000.00	2,740,201,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRIEU BICH NHUAN MSSV: 380262 NTHP	120NT01161110069		3,600,000.00	2,743,801,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN VAN NAM - MSSV 370258 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161110037		1,260,000.00	2,745,061,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VU THU UYEN MSSV: 381421 NTHP	120NT01161110070		3,600,000.00	2,748,661,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN CHI TRUNG MSSV 392471 NOP HOC PHI HOC KY II (2015-2016)	103NT01161110038		2,880,000.00	2,751,541,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN NHAT NAM MSSV 382017 NT HP	120NT01161110071		3,060,000.00	2,754,601,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LUONG NGOC MAI MSSV 381852 NT HOC	120NT01161110072		3,600,000.00	2,758,201,469.00

20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI HOA MSSV 382104 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161110039		3,240,000.00	2,761,441,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM THI LAN MSSV 382314	120NT01161110073		2,700,000.00	2,764,141,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN THANH TU - MSSV 382351 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161110040		6,450,000.00	2,770,591,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM THI HUONG MSSV 381962 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110041		2,880,000.00	2,773,471,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DANG PHUC QUAN MSV: 391311 NTHP	120NT01161110074		3,420,000.00	2,776,891,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LE THI HA PHUONG MSSV 391440 NOP HOC PHI HOC KY II (2015-2016)	103NT01161110042		3,420,000.00	2,780,311,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG THI CHUYEN MSSV: 390506 NTHP	120NT01161110075		3,420,000.00	2,783,731,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HO THI GIANG MSSV: 381137 NTHP	120NT01161110076		3,420,000.00	2,787,151,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN MINH HANG MSSV: 382549 NTHP	120NT01161110077		6,450,000.00	2,793,601,469.00
20/04/2016	20/04/2016	THAI TRANG NGUYEN MSSV 381849 NT HP	120NT01161110079		3,060,000.00	2,796,661,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM THI THAO MSSV 391838	120NT01161110080		3,420,000.00	2,800,081,469.00
20/04/2016	20/04/2016	KHA THI HUYEN MSV 380754	120NT01161110081		3,600,000.00	2,803,681,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LO VAN HAC MSV 380409 NT	120NT01161110082		3,240,000.00	2,806,921,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LY THI TRANG MSV 381311	120NT01161110083		4,140,000.00	2,811,061,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BUI THI YEN MSV 382122 NT	120NT01161110084		3,240,000.00	2,814,301,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI HUYEN MSV 382541 NT	120NT01161110085		2,700,000.00	2,817,001,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LE OAI HUNG MSV 380929 NT	120NT01161110086		3,600,000.00	2,820,601,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN THI YEN MSV 370927	120NT01161110087		1,440,000.00	2,822,041,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI KIM PHUONG MSV 370936	120NT01161110088		720,000.00	2,822,761,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN DUC TRUNG MSV 392260 NT	120NT01161110089		2,520,000.00	2,825,281,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI MAI HUE MSV 372003 NT	120NT01161110090		900,000.00	2,826,181,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN NHAT LINH MSV 382526 NT	120NT01161110091		2,700,000.00	2,828,881,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VU ANH TUAN MSV 390550 NT	120NT01161110092		3,240,000.00	2,832,121,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DO VAN ANH MSV 381812 NT	120NT01161110093		3,420,000.00	2,835,541,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NONG THI THUY MSV 381805 NT HP	120NT01161110094		3,420,000.00	2,838,961,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI BICH NGOC MSSV:371156 LOP 3711 NT HP KY 2 N2015-2016	105NT01161110014		2,700,000.00	2,841,661,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI HUYEN MSSV:390217 NOP HP KI 2 N2015-2016	105NT01161110015		2,880,000.00	2,844,541,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THANH HANG MSSV:390226 NOP HP KY 2 N2015-2016	105NT01161110016		3,600,000.00	2,848,141,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN NGOC KIM ANH- NOP TIEN HOC PHI- MA SV: 391257- KHOA 39	390NT02161110001		2,880,000.00	2,851,021,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM THE HIEP MSV 381806 NT	120NT01161110096		3,600,000.00	2,854,621,469.00

20/04/2016	20/04/2016	LUONG AN DUNG MSV 380761 NT	120NT01161110097		3,600,000.00	2,858,221,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN DANG HUU MSV 380758	120NT01161110098		3,420,000.00	2,861,641,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LE MAI PHUONG MSV 381551 NT	120NT01161110100		3,600,000.00	2,865,241,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI THANH THAO MSV 381835 NT	120NT01161110101		3,600,000.00	2,868,841,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG NGOC MINH MSV:391541, LOP:3915-KHOA 39 NOP TIEN HOC PHI HOC KY 2 NAM HOC 2015-2016	124NT01161110014		2,880,000.00	2,871,721,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI QUY MSSV: 382113 NTHP	120NT01161110102		3,240,000.00	2,874,961,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN THUY LINH MSSV: 380401 NTHP	120NT01161110103		3,420,000.00	2,878,381,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGO PHAM YEN LINH MSSV: 382143 NOP HOC PHI	120NT01161110104		3,240,000.00	2,881,621,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NONG HUYEN TRANG MSSV: 380256 NTHP	120NT01161110105		3,420,000.00	2,885,041,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN THI HOA.MSSV: 391219	120NT01161110106		3,060,000.00	2,888,101,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI KIEU DIEM.MSSV: 382149. NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110107		3,240,000.00	2,891,341,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN KHANH LINH MSSV 392911	120NT01161110108		3,060,000.00	2,894,401,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG THI NHU QUYNH MSSV 391537	120NT01161110109		3,420,000.00	2,897,821,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LA NGOC NAM MSSV 392123	120NT01161110110		2,880,000.00	2,900,701,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LE XUAN QUANG MSSV 392347 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110111		2,880,000.00	2,903,581,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN HUY TU MSSV 392362 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110112		2,880,000.00	2,906,461,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG LAM THUY MSSV 392912	120NT01161110113		3,060,000.00	2,909,521,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LE VAN DUAN MSSV 380432	120NT01161110114		3,600,000.00	2,913,121,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BUI HOANG THAO MSV 380436	120NT01161110115		3,600,000.00	2,916,721,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI OANH MSSV 390524	120NT01161110116		3,600,000.00	2,920,321,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NONG THUAN YEN MSSV 391536 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110117		3,240,000.00	2,923,561,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM THI THOA MSSV 391529 NOP TIEN HOC	120NT01161110118		3,600,000.00	2,927,161,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LE CUONG MSSV 380661 NT HP HK2 NAM HOC 2015-2016	105NT01161110018		3,420,000.00	2,930,581,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI HONG THIEP MSSV 371621	120NT01161110119		1,800,000.00	2,932,381,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN THI HUE MSSV 390424 KHOA K39 LOP 3904 NT HOC KY II NAM 2015-2016	120NT01161110120		3,240,000.00	2,935,621,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN THI THUY HANG MSSV 390511	120NT01161110121		3,060,000.00	2,938,681,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRUONG THI THU THAO MSSV 381748 KHOA 38 LOP 3817 NOP HOC PHI HOC KY II NAM 2015-2016	120NT01161110122		3,600,000.00	2,942,281,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THE HIEN MSSV 393045 NOP TIEN HOC	120NT01161110123		3,060,000.00	2,945,341,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DINH QUYNH ANH MSSV 392140 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110124		2,520,000.00	2,947,861,469.00

20/04/2016	20/04/2016	TONG THI THAO MSSV 392146	120NT01161110125		3,060,000.00	2,950,921,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NT HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016 BUI THI LY MSSV 372104	105NT01161110020		1,800,000.00	2,952,721,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TEN: NGUYEN TRONG NGHIA MSSV: 382652	121NT01161110006		6,450,000.00	2,959,171,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VU HAI DUYEN-MSSV: 372069	122NT01161110003		180,000.00	2,959,351,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DO THANH PHAN - MSV 391248~NC:DO THANH PHAN - Nguoi chuyen: DO THANH PHAN	001CTD1161110264		3,420,000.00	2,962,771,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BCIN:FT1611101082:LE THU HA NT HOC PHI SV NGUYEN QUOC ANH MA SV 372150~NC:LE THI THUY - Nguoi chuyen: LE THI THUY	001CTD1161110285		3,240,000.00	2,966,011,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NOP HOC PHI: DINH TRAN DAI NGHIA. MSV: 393028~NC:DAO LE DUNG - Nguoi chuyen: DAO LE DUNG	001CTD1161110291		3,060,000.00	2,969,071,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DONG TIEN HOC PHI TEN: NGUYEN VIET TRINH MSSV: 37211 0 CT NH TMCP BUU DIEN LIEN VIET-DONG DO~NC:NGUYEN VIET TRINH 01695069111 - Nguoi chuyen: NGUYEN VIET TRINH 01695069111	001CTD1161110323		1,800,000.00	2,970,871,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HO TEN: MUI VAN TRIEU, MSSV: 380730, LOP 3807	121NT01161110007		1,260,000.00	2,972,131,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM THI NGOC ANH - MSSV: 382707 - LOP 3827	121NT01161110008		2,700,000.00	2,974,831,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HA THI KIM TUYEN MSSV 392219 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110045		2,520,000.00	2,977,351,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI THAI HA MSSV 380213 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110046		2,700,000.00	2,980,051,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI NAM MSSV 370867 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110047		900,000.00	2,980,951,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI QUYEN MSSV 392404 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161110048		2,160,000.00	2,983,111,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BUI THI LAN MSSV 392412 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161110049		2,160,000.00	2,985,271,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VAN DINH THONG MSSV 392607 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161110050		2,160,000.00	2,987,431,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI DIEU LINH - MSSV 392929 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110051		3,060,000.00	2,990,491,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI VAN ANH- MSSV 392348 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161110052		2,160,000.00	2,992,651,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN QUYNH CHAU MSSV 392532 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161110053		2,160,000.00	2,994,811,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NT HOC PHI CHO SV VU MAI HUONG, MSV:372354	320NT02161110001		1,800,000.00	2,996,611,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DO HONG BAO NGOC MSSV 381036 NOP HOC PHI 2015-2016	320NT02161110002		3,960,000.00	3,000,571,469.00

20/04/2016	20/04/2016	Phan Thi Hai Linh MSSV 382301 nop hoc phi ky II nam 2015-2016~NC:PHAN THI HAI LINH - Nguoi chuyen: PHAN THI HAI LINH	001CTD1161110431		4,000,000.00	3,004,571,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THU HIEN NOP HOC PHI LOP 3905 MA SO SV: 390509~NC:NGUYEN THU HIEN - Nguoi chuyen: NGUYEN THU HIEN	001CTD1161110437		2,520,000.00	3,007,091,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM THANH HAI NOP TIEN HOC PHI CHOPHAM THI TUYET LAN MSSV 393003 ~NC:0976362975 - Nguoi chuyen: 0976362975	001CTD1161110455		3,060,000.00	3,010,151,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TUONG THI KIEU CHINH MSV: 381602	120NT01161110128		2,700,000.00	3,012,851,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI TRANG MSV: 381617	120NT01161110129		3,400,000.00	3,016,251,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI THANH HUYEN MSV: 391531	120NT01161110130		2,880,000.00	3,019,131,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LUONG THI MINH MSV: 380413	120NT01161110131		3,240,000.00	3,022,371,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG THI KIM ANH MSV: 380442	120NT01161110132		3,420,000.00	3,025,791,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI QUYNH TRANG MSV: 382131 NT HP	120NT01161110133		3,240,000.00	3,029,031,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VI DUC GIANG MSV: 380406	120NT01161110134		3,240,000.00	3,032,271,469.00
20/04/2016	20/04/2016	MAI THI NHUNG MSV: 382330	120NT01161110135		2,700,000.00	3,034,971,469.00
20/04/2016	20/04/2016	CHAU THI TOAN MSV: 380868	120NT01161110136		3,600,000.00	3,038,571,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THUAN DUONG MSV: 380439	120NT01161110137		3,600,000.00	3,042,171,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LE QUYNH ANH MSV: 382333	120NT01161110138		2,700,000.00	3,044,871,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN HOANG MY LINH MSSV 391817 NT HP DOT 2 NAM HOC 2015-2016	105NT01161110026		3,600,000.00	3,048,471,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN KHANH LINH MSSV 393033 NOP HP HK2 NAM HOC 2015-2016	105NT01161110027		3,060,000.00	3,051,531,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LE HOANG ANH MSV: 391501	120NT01161110139		2,700,000.00	3,054,231,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LE THI KHANH LY MSV: 382327	120NT01161110140		2,700,000.00	3,056,931,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN TIEN LONG MSV: 380222	120NT01161110142		3,420,000.00	3,060,351,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI THUY LINH MSV: 371932	120NT01161110143		1,800,000.00	3,062,151,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DO THI NGUYET MSV: 381265	120NT01161110144		3,420,000.00	3,065,571,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TU THI TRANG MSV: 382133	120NT01161110145		3,240,000.00	3,068,811,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HO VA TEN TRAN VAN QUYNH MSSV 382714 LOP 3827 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110146		2,700,000.00	3,071,511,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BUI THI THANH THUY MSV: 381403	120NT01161110147		3,060,000.00	3,074,571,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI YEN MSSV 382727 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110148		2,700,000.00	3,077,271,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN THI THAO MSV: 381416	120NT01161110149		3,600,000.00	3,080,871,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LE THI NGAN MSSV 392144 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110150		2,880,000.00	3,083,751,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DO THI HAI YEN MSV: 380403	120NT01161110151		4,140,000.00	3,087,891,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRINH THI THUONG MSSV 380128 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110152		3,420,000.00	3,091,311,469.00

20/04/2016	20/04/2016	NONG QUYNH THU MSV: 381567	120NT01161110153		3,420,000.00	3,094,731,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM THI LUONG MSSV 390535	120NT01161110154		3,420,000.00	3,098,151,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BAN THI NHUNG MSV: 381560	120NT01161110155		3,600,000.00	3,101,751,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM BACH TUYET MSV: 390231	120NT01161110156		3,600,000.00	3,105,351,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DAM NGOC HUYEN MSV: 390429	120NT01161110157		2,880,000.00	3,108,231,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM THI THUY MSV: 390203	120NT01161110158		2,880,000.00	3,111,111,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI THUY MSV: 390229	120NT01161110159		3,240,000.00	3,114,351,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN QUYNH ANH THO MSV: 390366	120NT01161110160		14,040,000.00	3,128,391,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG DUC PHUONG MSV: 380513	120NT01161110161		3,420,000.00	3,131,811,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI HANH NGAN MSV: 372112	120NT01161110162		1,800,000.00	3,133,611,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGO THI NGOC THUY MSV: 371330	120NT01161110163		900,000.00	3,134,511,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BUI MANH THANG MSV: 381609	120NT01161110164		3,420,000.00	3,137,931,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VU THI NGA MSV: 380611	120NT01161110165		3,600,000.00	3,141,531,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI THUONG MSSV: 380521 NTHP	120NT01161110166		3,600,000.00	3,145,131,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN MINH HANG 392930 NOP HOC PHI	114NT01161110018		3,060,000.00	3,148,191,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN THI GIANG MSSV: 371022 NTHP	120NT01161110167		1,800,000.00	3,149,991,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI THANH MSSV: 372617 NT	120NT01161110168		1,800,000.00	3,151,791,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DO THI CHIEN MSSV: 370360 NTHP	120NT01161110169		1,800,000.00	3,153,591,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BANG THI MINH TRANG MSV: 380212 NTHP	120NT01161110170		3,600,000.00	3,157,191,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LANH THI HANG MSSV: 371801 NTHP	120NT01161110171		2,160,000.00	3,159,351,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG HONG ANH MSSV: 381154 NTHP	120NT01161110172		3,060,000.00	3,162,411,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN HONG SON MSSV:370357 NT HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	124NT01161110023		3,060,000.00	3,165,471,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG HUYEN TRANG-MSSV: 371176 NOP TIEN HOC PHI HKII,ST: 6.480.000 VND	102NT01161110006		6,480,000.00	3,171,951,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN LUONG BANG MSSV: 371213 NT HOC PHI	102NT01161110007		1,800,000.00	3,173,751,469.00
20/04/2016	20/04/2016	tien hoc phi. dang the hiep, ma sv: 361326~NC:dang thi minh hue - Nguoi chuyen: dang thi minh hue	001CTD1161110465		3,300,000.00	3,177,051,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TC:VNCN21494.LE XUAN ANH 390365~NC:TRAN THU HUONG - Nguoi chuyen: TRAN THU HUONG	001CTD1161110494		2,520,000.00	3,179,571,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VU THI MAI OANH MA SO SV 391228 LOP 3912 NOP TIEN HOC PHI	122NT01161110009		3,060,000.00	3,182,631,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HO TEN: HOANG THI CUONG, MSSV: 372042, LOP 3720	121NT01161110009		2,700,000.00	3,185,331,469.00

20/04/2016	20/04/2016	[208CT02161110001]CHUY TIEN HOC PHI CHO SV: LUU HOANG HAI BINH; MA SINH VIEN:390663~NC:HOANG THI KIM ANH - Nguoi chuyen: HOANG THI KIM ANH	001CTD1161110538		2,880,000.00	3,188,211,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGO THI LAN MA SV: 382823, LOP 3828, KHOA 38. NOP TIEN HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016~NC:NGO THI LAN - Nguoi chuyen: NGO THI LAN	001CTD1161110540		2,700,000.00	3,190,911,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HO TEN: LE THI HA MY, MSSV: 392359 LOP 3923	121NT01161110010		2,160,000.00	3,193,071,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN THI THU HA SDT 01693931788 MSV 370440 NT HOC PHI KI II NAM 2015-2016	310NT02161110002		720,000.00	3,193,791,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAN THI CAM NHUNG MSSV: 393165 NOP TIEN HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	121NT01161110011		5,580,000.00	3,199,371,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUY THI HIEN MSSV: 393146	121NT01161110012		3,240,000.00	3,202,611,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI HOP MSSV: 393163	121NT01161110013		5,580,000.00	3,208,191,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HO THANH LOC, MSSV: 392823 NOP TIEN HOC PHI 2.160.000VND	113NT01161110013		2,160,000.00	3,210,351,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN THI THU GIANG MSSV:391539 NT HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	124NT01161110024		2,880,000.00	3,213,231,469.00
20/04/2016	20/04/2016	Phan Thi Hai Linh MSSV 382301 nop hoc phi no ky II nam 2014-2015~NC:PHAN THI HAI LINH - Nguoi chuyen: PHAN THI HAI LINH	001CTD1161110564		3,000,000.00	3,216,231,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THUY LINH MSSV 393047 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161110055		3,060,000.00	3,219,291,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM THANH HUONG MSSV 393043 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161110056		3,060,000.00	3,222,351,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN SON TUNG - MSSV 371173 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110057		1,980,000.00	3,224,331,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN HUONG GIANG MSSV 392261 LOP CLC39B- HOC PHI KY II	103NT01161110058		14,040,000.00	3,238,371,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI QUYNH TRANG- MSSV 371756 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161110059		1,980,000.00	3,240,351,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BAC THI CAM ANH NT HOC PHI MSSV:391237 TRUONG DH LUAT HN	102NT01161110008		3,420,000.00	3,243,771,469.00
20/04/2016	20/04/2016	CAO NGUYEN HAI YEN MSV: 393152	120NT01161110174		5,580,000.00	3,249,351,469.00
20/04/2016	20/04/2016	MA HOANG LAN HUONG MSV: 381107	120NT01161110175		3,420,000.00	3,252,771,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGO THI LAN ANH MSV: 392946	120NT01161110176		3,060,000.00	3,255,831,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DANG MY HANH MSV: 392939	120NT01161110177		3,060,000.00	3,258,891,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN PHUONG HOA MSV: 391367	120NT01161110178		7,310,000.00	3,266,201,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI CAM TU MSV: 392746	120NT01161110179		2,880,000.00	3,269,081,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NONG DIEU LAN MSSV 380954 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110180		3,600,000.00	3,272,681,469.00

20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI MINH TAM MSSV: 382749 NTHP KI 2	120NT01161110181		2,700,000.00	3,275,381,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DANG THI TAM MSV: 371666	120NT01161110182		1,800,000.00	3,277,181,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DUONG THI NGOC LE MSSV 380965 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110183		3,780,000.00	3,280,961,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN THI HUYEN MSSV 391836	120NT01161110184		3,600,000.00	3,284,561,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHUNG NGOC VINH MSV: 371377 NT HP	120NT01161110185		3,060,000.00	3,287,621,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BUI THI TUYEN MSV: 390266	120NT01161110186		3,240,000.00	3,290,861,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN KIEU TRINH MSV: 392045 NT HP	120NT01161110187		3,240,000.00	3,294,101,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DANG TRAN LONG HAI MSV: 392904	120NT01161110188		3,060,000.00	3,297,161,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VU THI THANH VAN MSV: 380867 NT HP	120NT01161110189		3,420,000.00	3,300,581,469.00
20/04/2016	20/04/2016	THAO A CHINH MSSV 380466	120NT01161110190		3,420,000.00	3,304,001,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN MINH DUC MSSV 372628	120NT01161110191		1,800,000.00	3,305,801,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BUI THI THAM MSSV 382403	120NT01161110192		2,700,000.00	3,308,501,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BUI THI HOAI MSV 382306	120NT01161110193		2,700,000.00	3,311,201,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LOC THI LEN MSSV:392407 LOP 24 KHOA K39 NOP TIEN HOC PHI KI II NAM HOC 2015-2016	101NT01161110010		2,160,000.00	3,313,361,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DOAN THU HUONG MSSV 380116 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110194		3,240,000.00	3,316,601,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DAO THI NGUYEN MSSV:392411 LOP 24 KHOA 39 NOP TIEN HOC PHI HOC KI II NAM HOC 2015-2016	101NT01161110011		2,160,000.00	3,318,761,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI THU HIEN MSSV 382638 NTHP	120NT01161110195		2,700,000.00	3,321,461,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DAO THU HANG MSSV 392719 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110196		2,880,000.00	3,324,341,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LE THI NHI MSSV:391431 NOP TIEN HOC PHI	101NT01161110012		3,600,000.00	3,327,941,469.00
20/04/2016	20/04/2016	MAI THI THU MSSV 391726	120NT01161110197		4,320,000.00	3,332,261,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM THU THUY MSV: 381035	120NT01161110198		3,600,000.00	3,335,861,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DUONG KHANH LINH MSSV 392718 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110199		2,880,000.00	3,338,741,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG DUC VIET MSV: 381004	120NT01161110200		3,240,000.00	3,341,981,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HA THI BINH MSV: 381221	120NT01161110201		3,960,000.00	3,345,941,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LE THI LINH MSSV 381127 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110202		3,060,000.00	3,349,001,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LE THI THUY MSSV 392724	120NT01161110203		2,880,000.00	3,351,881,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN THI NGUYET ANH MSV: 372659	120NT01161110204		1,800,000.00	3,353,681,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DANG THI PHUONG ANH MSV 390641	120NT01161110205		3,600,000.00	3,357,281,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VU LINH CHI MSSV 380113 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110206		3,600,000.00	3,360,881,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HO THI HANG MSV: 391640	120NT01161110207		3,420,000.00	3,364,301,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BUI NGOC HUYEN NT HOC PHI MA SO SV 382305 LOP 3823	240NT02161110002		2,700,000.00	3,367,001,469.00

20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THUY LINH MSV: 390310	120NT01161110208		3,240,000.00	3,370,241,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG THU HA MSSV 391302	120NT01161110209		3,240,000.00	3,373,481,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN TUNG MSV: 381162	120NT01161110210		3,420,000.00	3,376,901,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN THI HIEN MSSV 391541	120NT01161110211		3,420,000.00	3,380,321,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DAO THAO HIEN MSV: 392660	120NT01161110212		2,160,000.00	3,382,481,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DUONG THI VAN MSV 380227	120NT01161110213		3,420,000.00	3,385,901,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM THI MINH PHUONG MSV: 392854	120NT01161110214		2,160,000.00	3,388,061,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NONG HONG NHUNG MSSV 392235	120NT01161110215		3,600,000.00	3,391,661,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN MY GIANG MSV: 392655	120NT01161110216		2,160,000.00	3,393,821,469.00
20/04/2016	20/04/2016	THAN THU PHUONG MSV: 382747	120NT01161110217		6,450,000.00	3,400,271,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HO DANG TUONG.MSSV: 372840	120NT01161110218		1,800,000.00	3,402,071,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VU THI HAI YEN.MSSV: 380920.NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110219		3,600,000.00	3,405,671,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI HONG PHUC.MSSV: 380926.NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110220		3,600,000.00	3,409,271,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGO THI HIEN MSSV 392609 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110221		2,880,000.00	3,412,151,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI THU HUYEN MSSV: 391346 NTHP	120NT01161110222		2,880,000.00	3,415,031,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DUONG THI THUY QUYEN MSSV 392310 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110223		2,160,000.00	3,417,191,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DINH THI HUYEN TRANG MSSV: 392341 NTHP	120NT01161110224		2,160,000.00	3,419,351,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN VAN LINH MSSV 381306 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110225		3,600,000.00	3,422,951,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN VAN MINH MSSV: 371154 NTHP	120NT01161110226		3,420,000.00	3,426,371,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DO THI NGOC ANH MSSV 372747	120NT01161110227		1,800,000.00	3,428,171,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI THUONG MSSV 371861	120NT01161110229		900,000.00	3,429,071,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DOAN THI BICH PHUONG MSSV 372853 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110230		900,000.00	3,429,971,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VI THI HOANG PHUC MSSV 390609 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110231		3,600,000.00	3,433,571,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VU THI BICH THUY MSSV 382562	120NT01161110232		2,700,000.00	3,436,271,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LE THI VUI MSSV 381763 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110233		3,060,000.00	3,439,331,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG THI LAN HUONG MSSV: 380941 NTHP	120NT01161110234		3,600,000.00	3,442,931,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI HONG MSSV:382726 LOP 3827 NT HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	124NT01161110025		2,700,000.00	3,445,631,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI NGOC MSV:381747 NTHP	120NT01161110235		3,420,000.00	3,449,051,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BUI THI DIEU MSSV: 391619 NTHP	120NT01161110236		2,880,000.00	3,451,931,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI LOAN MSSV 391319	120NT01161110237		3,060,000.00	3,454,991,469.00

20/04/2016	20/04/2016	BUI THI KHOA MSSV: 392717 NTHP	120NT01161110238		2,880,000.00	3,457,871,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM THI LAM ANH MSSV: 392342 LOP 3923 NOP TIEN HOC PHI KY II CHO TRUONG DH LUAT HA NOI	101NT01161110014		2,160,000.00	3,460,031,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LE VIET HOA MSSV 370635 NT HOC	120NT01161110239		2,880,000.00	3,462,911,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI TRANG MSSV: 381617 NTHP	120NT01161110240		20,000.00	3,462,931,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN DUC HUNG MSSV 370670 NT HOC	120NT01161110241		3,060,000.00	3,465,991,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN MINH TRANG MSV 392924 NT HOC	120NT01161110242		3,060,000.00	3,469,051,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LUU THI OANH MSSV 381329	120NT01161110243		3,600,000.00	3,472,651,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI DIEU LINH MSSV 380332 NT HP	120NT01161110244		3,600,000.00	3,476,251,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VU THI HUONG LY MSSV: 391040 LOP 3910 KHOA 39 NOP TIEN HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2015-2016	101NT01161110015		3,240,000.00	3,479,491,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HA ANH THO MSSV: 390971 NTHP	120NT01161110245		3,240,000.00	3,482,731,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LA DUC DUNG MSSV 372037	120NT01161110246		2,520,000.00	3,485,251,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI HUYEN TRANG MSSV: 391002 NTHP	120NT01161110247		360,000.00	3,485,611,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI VY MSSV: 391003 NTHP	120NT01161110248		3,240,000.00	3,488,851,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VU THI LE QUYNH MSSV: 381423 NTHP	120NT01161110249		3,060,000.00	3,491,911,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN THI THU THAO MSSV: 381146 NTHP	120NT01161110250		3,600,000.00	3,495,511,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NONG THI LAM NT HOC PHI NAM HOC 2015-2016 HOC KY 2 MSSV: 391136	101NT01161110016		2,520,000.00	3,498,031,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG THI YEN NT HOC PHI NAM HOC 2015-2016 HOC KY 2 MSSV: 392504	101NT01161110017		2,880,000.00	3,500,911,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG THI BICH THAO MSSV: 380462 LOP 3804 KHOA 38 NT HOC PHI KY II NAM 2015-2016	101NT01161110018		3,240,000.00	3,504,151,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN VAN THUY MSSV 381110 - NT HOC PHI	120NT01161110251		3,060,000.00	3,507,211,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN THI KHANH NHU MSSV 380748 NT HP	120NT01161110252		3,600,000.00	3,510,811,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HA THI LY MSSV 381603	120NT01161110253		2,700,000.00	3,513,511,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI NGOC MSV 381611	120NT01161110254		3,420,000.00	3,516,931,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRUONG THI THOAI MSSV 381304 NT HP KY II	120NT01161110255		3,600,000.00	3,520,531,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LUAN THI NUONG MSSV 381667 NT HOC	120NT01161110256		3,600,000.00	3,524,131,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BAN THI OANH MSSV 381615	120NT01161110257		3,060,000.00	3,527,191,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI MONG MO MSSV 382035 NT HP	120NT01161110258		3,240,000.00	3,530,431,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HA THI ANH TRAM MSSV 381318	120NT01161110259		3,420,000.00	3,533,851,469.00
20/04/2016	20/04/2016	MA THI HONG NHUNG MA SO SINH VIEN 382854 NOP HOC PHI -NC:MA VAN CHUNG - Nguoi chuyen: MA VAN CHUNG	001CTD1161110613		6,450,000.00	3,540,301,469.00

20/04/2016	20/04/2016	DAO THI THUY LINH MSSV:392903 LOP CHAT LUONG CAO 39B NT HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	124NT01161110030		14,040,000.00	3,554,341,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGO THI QUYNH ANH MSV:371439, LOP:3714-KHOA 37 NOP TIEN HOC PHI HOC KY 2 NAM HOC 2015-2016	124NT01161110031		720,000.00	3,555,061,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM THI DUNG MSSV: 380610	120NT01161110260		3,600,000.00	3,558,661,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN THI HIEN MSSV: 391840 NTHP	120NT01161110261		3,420,000.00	3,562,081,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN MINH NHAT MSSV: 382242	120NT01161110262		3,240,000.00	3,565,321,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN THI THU PHUONG MSV: 393016 LOP 3930NT HOC PHI	123NT01161110008		3,060,000.00	3,568,381,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LE HUYEN TRANG MSSV : 393010 LOP 3930 NT HOC PHI	123NT01161110009		3,060,000.00	3,571,441,469.00
20/04/2016	20/04/2016	371355- TRUONG THI QUYNH	113NT01161110014		1,080,000.00	3,572,521,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LE THI DUYEN MSSV: 372207 NOP HOC PHI	102NT01161110009		1,800,000.00	3,574,321,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI VAN ANH MSSV:372226 NOP HOC PHI	102NT01161110010		1,800,000.00	3,576,121,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI HUYEN NHUNG MSV: 382748	120NT01161110263		6,450,000.00	3,582,571,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG HONG MO MSV: 371409	120NT01161110264		2,160,000.00	3,584,731,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRINH MINH HOA MSV: 392850	120NT01161110265		2,160,000.00	3,586,891,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI LINH MAI MSV: 392126	120NT01161110266		14,040,000.00	3,600,931,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI PHUONG THAO MSSV: 372860 NTHP	120NT01161110267		1,800,000.00	3,602,731,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN DUC MINH MSV: 380759	120NT01161110268		3,240,000.00	3,605,971,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRUONG HUNG AN MSV: 371604	120NT01161110269		3,240,000.00	3,609,211,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HA THI KIM OANH MSV: 371718	120NT01161110270		1,440,000.00	3,610,651,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI PHUONG MSV: 382764	120NT01161110271		7,740,000.00	3,618,391,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LE THI THU MSV: 380321	120NT01161110272		3,600,000.00	3,621,991,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DAO THI LIEN - MSSV : 390453 - NOP TIEN HOC~NC:DAO VAN CUONG - Nguoi chuyen: DAO VAN CUONG	001CTD1161110626		17,520,000.00	3,639,511,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VU THI NGOC DIEP MSSV 361109~NC:VU THI NGOC DIEP - Nguoi chuyen: VU THI NGOC DIEP	001CTD1161110627		720,000.00	3,640,231,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM KIEU TRANG 371011~NC:PHAM KIEU TRANG - Nguoi chuyen: PHAM KIEU TRANG	001CTD1161110660		1,980,000.00	3,642,211,469.00
20/04/2016	20/04/2016	THACH THI THUONG THUONG MSV: 380317	120NT01161110273		3,600,000.00	3,645,811,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DINH TRONG HAI.MSSV: 371926	120NT01161110274		1,260,000.00	3,647,071,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI HIEN.MSSV: 391811	120NT01161110275		3,240,000.00	3,650,311,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HA DIEU THUY MSV: 380405	120NT01161110276		3,420,000.00	3,653,731,469.00

20/04/2016	20/04/2016	TEN: BAC THI HUONG, MSSV 371810	121NT01161110014		900,000.00	3,654,631,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI LOAN.MSSV:381023	120NT01161110277		3,600,000.00	3,658,231,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRIEU MUI SAO MSV: 392714	120NT01161110278		2,880,000.00	3,661,111,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG THI THUY LINH MSSV: 372637 NOP TIEN HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	121NT01161110015		1,800,000.00	3,662,911,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BUI THI THUY NGAN MSV: 371261	120NT01161110279		900,000.00	3,663,811,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TEN: TRINH KIM NGAN, MSSV 382574	121NT01161110016		2,700,000.00	3,666,511,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DANG THI THANH HUONG MSSV 392838 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110060		2,880,000.00	3,669,391,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI THU HA MSV: 370303	120NT01161110280		900,000.00	3,670,291,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TEN: LE DUONG TUNG, MSSV: 382472	121NT01161110017		2,700,000.00	3,672,991,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LE THI HANG MSSV 392656 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110061		2,160,000.00	3,675,151,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BUI TRUONG SON NOP TIEN HOC BUI TRUONG SON MSSV 381743	100NT01161110011		330,000.00	3,675,481,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG THI MI MSV: 370718	120NT01161110281		2,550,000.00	3,678,031,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI PHUONG TRANG MSSV 371024 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110062		1,980,000.00	3,680,011,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN THI YEN MSV: 371721	120NT01161110282		360,000.00	3,680,371,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN VAN HOA, MSSV: 390218	121NT01161110018		2,880,000.00	3,683,251,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DANG QUOC ANH MSV: 390412	120NT01161110283		3,060,000.00	3,686,311,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI PHUONG ANH MSSV 392652 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110063		2,160,000.00	3,688,471,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NONG THI DUNG MSV: 382520	120NT01161110284		2,700,000.00	3,691,171,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DUONG THI THUYEN MSV: 380303	120NT01161110285		3,420,000.00	3,694,591,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NOP HOC PHI KY II (2015-2016) BA THI THUY LAN MSSV 392837	103NT01161110064		2,880,000.00	3,697,471,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LA THI DIEM MSSV 382001 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110066		3,600,000.00	3,701,071,469.00
20/04/2016	20/04/2016	MA THI GAM MSSV 382013 NOP HOC PHI HOC KI II (2015-2016)	103NT01161110067		3,600,000.00	3,704,671,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN THI LUU LY.MSSV: 380118	120NT01161110286		3,060,000.00	3,707,731,469.00
20/04/2016	20/04/2016	CHU THI KIEU TRANG.MSSV: 391415	120NT01161110287		3,240,000.00	3,710,971,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN NGOC HUYEN MSSV: 390240 NOP TIEN HOC PHI KY 2 VAO TK TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI	100NT01161110012		3,240,000.00	3,714,211,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LUONG THI NGOC ANH. MSSV: 391114 NOP HOC PHI KY II 2015-2016	100NT01161110013		3,060,000.00	3,717,271,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN DUC TAI.MSSV:390223. NOP TIEN HOC PHI KI 2 NAM 2015-2016	120NT01161110288		3,240,000.00	3,720,511,469.00

20/04/2016	20/04/2016	BUI THI HUONG.MSSV: 372314. NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110289		1,800,000.00	3,722,311,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN THI XUAN THU.MSSV: 390946	120NT01161110290		2,880,000.00	3,725,191,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DO NGOC KHANH MSSV 371102 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110068		3,240,000.00	3,728,431,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN NHAN DUC MSSV: 392141 NTHP	120NT01161110291		3,240,000.00	3,731,671,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM QUYNH TRANG.MSSV 390963	120NT01161110292		2,880,000.00	3,734,551,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DO HOANG HUYEN MY MSSV 380341 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161110069		3,600,000.00	3,738,151,469.00
20/04/2016	20/04/2016	CA THI PHUONG.MSSV: 390973 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110293		7,740,000.00	3,745,891,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG HUYEN TRANG MSSV 392142 NOP HOC PHI KI II 2015-2016	103NT01161110070		3,020,000.00	3,748,911,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VU VUONG TUAN.MSSV: 372810 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110294		1,800,000.00	3,750,711,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DUONG THI NINH - MSSV 382604 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161110071		2,700,000.00	3,753,411,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM THI HAI PHUONG.MSSV: 381635	120NT01161110295		3,780,000.00	3,757,191,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DUONG THI KIM NGAN MSV 372321 NOP TIEN HOC PHI KY 2 NAM 2015-2016	230NT02161110002		1,800,000.00	3,758,991,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN TUAN LINH.MSSV: 371157	120NT01161110296		540,000.00	3,759,531,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN HUONG TRA MY MSSV 382603 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110072		2,700,000.00	3,762,231,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN NGOC ANH MSSV 371169 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161110073		900,000.00	3,763,131,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DANG THUY DUONG.MSSV: 392851. NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110297		2,160,000.00	3,765,291,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI PHUONG THUY - MSV 372634 - KHOA 37 NOP HOC PHI KY II NAM 2016	431NT02161110001		1,800,000.00	3,767,091,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN MINH QUAN MSV:391061 NOP HP	123NT01161110013		2,880,000.00	3,769,971,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN TUAN THANH NOP HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016 MSSV 390112	105NT01161110029		3,240,000.00	3,773,211,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI HANH MSV:370925 NTHP	120NT01161110298		1,800,000.00	3,775,011,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI HUYEN THUONG, MSSV: 382758 NOP TIEN HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2015-2016	121NT01161110019		2,700,000.00	3,777,711,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI THU THUY, MSSV: 390222	121NT01161110020		3,240,000.00	3,780,951,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN KHANH LINH MSV:392617	120NT01161110299		2,160,000.00	3,783,111,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TEN: NGUYEN DIEU MY, MSSV: 382450	121NT01161110021		6,450,000.00	3,789,561,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TEN: NGUYEN THI LAN ANH, MSSV: 382456	121NT01161110022		2,700,000.00	3,792,261,469.00

20/04/2016	20/04/2016	MA THI PANG MSSV 390732 NOP HOC PHI HOC KY II (2015-2016)	103NT01161110074		3,060,000.00	3,795,321,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TEN: NGUYEN KHAC TUAN ANH MSSV: 382446	121NT01161110023		6,450,000.00	3,801,771,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI PHUONG THUY MSV 392618	120NT01161110300		2,160,000.00	3,803,931,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LU THI THUY MSSV 371241 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161110075		1,980,000.00	3,805,911,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TEN: NGUYEN QUOC KHANH, MSSV: 392664	121NT01161110024		2,880,000.00	3,808,791,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN QUANG THANG, MSSV: 391821, LOP 39CLCB	121NT01161110025		14,040,000.00	3,822,831,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LO THI QUY MSSV 392218 NOP HOC PHI HOC KY II (2015-2016)	103NT01161110076		2,880,000.00	3,825,711,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TEN: VU THI HANG MSSV: 390541	121NT01161110026		3,060,000.00	3,828,771,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI THUY DUNG MSV:391742 NT HOC PHI	120NT01161110301		2,880,000.00	3,831,651,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN VIET ANH MSSV 372121 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110077		1,800,000.00	3,833,451,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BUI VAN DAT MSV:391526 NTHP	120NT01161110302		3,420,000.00	3,836,871,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HO QUYNH TRANG MSSV: 391119 NOP HOC PHI KY 2 2015-2016 VAO TK TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI	100NT01161110014		3,600,000.00	3,840,471,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRINH THU PHUONG MSV 380956 KHOA 38 TIEN HOC 15 TIN CHI~NC:Khuat Thi Hanh Van - Nguoi chuyen: Khuat Thi Hanh Van	001CTD1161110733		2,700,000.00	3,843,171,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM THI HANG NOP HOC PHI KY II NAMHOC 2015-2016 CUA SINH VIEN NGUYENTHI THUAN , MA SV: 380536~NC:PHAM THI HANG - Nguoi chuyen: PHAM THI HANG	001CTD1161110748		3,420,000.00	3,846,591,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRIEU THI XUAN MSSV 390204 NOP HOC PHI KY 2 NAM 2016.~NC:TRIEU THI XUAN - Nguoi chuyen: TRIEU THI XUAN	001CTD1161110751		2,880,000.00	3,849,471,469.00
20/04/2016	20/04/2016	THAI THI HA GIANG MSSV 390215 NOP HOC PHI KY 2 NAM 2016~NC:THAI THI HA GIANG - Nguoi chuyen: THAI THI HA GIANG	001CTD1161110752		3,240,000.00	3,852,711,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM KHANH HUYEN MSSV 390202 NOP HOC PHI KY 2 NAM 2016.~NC:PHAM KHANH HUYEN - Nguoi chuyen: PHAM KHANH HUYEN	001CTD1161110753		2,880,000.00	3,855,591,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI THU HUONG MSSV 390208 NOP HOC PHI KY 2 NAM 2016.~NC:NGUYEN THI THU HUONG - Nguoi chuyen: NGUYEN THI THU HUONG	001CTD1161110759		2,880,000.00	3,858,471,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DOAN THI HUYEN TRANG MSV:393160 NTHP	120NT01161110303		3,240,000.00	3,861,711,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DANG THAO NGUYEN MSSV 390438 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110078		3,600,000.00	3,865,311,469.00

20/04/2016	20/04/2016	TRAN THI NGOC MSV:380511 NTHP	120NT01161110304		3,420,000.00	3,868,731,469.00
20/04/2016	20/04/2016	KIEU THI LAN ANH MSSV: 372066	115NT01161110006		1,980,000.00	3,870,711,469.00
20/04/2016	20/04/2016	MAI THI MINH HUONG MSSV: 362360	115NT01161110007		1,800,000.00	3,872,511,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN MINH TU 370729 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161110079		3,240,000.00	3,875,751,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRINH THI NHUNG MSSV 370961 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161110080		4,680,000.00	3,880,431,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NOP TIEN HOC PHI NAM 2016 2016-2017. MA SINH VIEN: 381264~NC:NGUYEN THI HAI YEN - Nguoi chuyen: NGUYEN THI HAI YEN	001CTD1161110712		3,600,000.00	3,884,031,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VU THI TRANG NOP TIEN HOC PHI NAM 2016-2017 , MA SINH VIEN: 381244~NC:VU THI TRANG - Nguoi chuyen: VU THI TRANG	001CTD1161110714		3,420,000.00	3,887,451,469.00
20/04/2016	20/04/2016	Tien hoc phi ho ten sinh vien : Nguyen Thi Hong Minh ma SV: 390619. Kh nhan tien tai CN dong do~NC:PHAM THI LIEM - Nguoi chuyen: PHAM THI LIEM	001CTD1161110717		1,800,000.00	3,889,251,469.00
20/04/2016	20/04/2016	CT.NHO CHUYEN DEN CN DONG DO HA NOI.ND:NOP HOC PHI KYII NAM HOC 2015-2016-MA SINH VIEN 371228~NC:TRAN BICH NGOC - Nguoi chuyen: TRAN BICH NGOC	001CTD1161110718		1,440,000.00	3,890,691,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI PHUONG MSSV 370962 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161110081		720,000.00	3,891,411,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN TIEN DAT MSSV 392859 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161110082		2,520,000.00	3,893,931,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DO THI NGAN GIANG - MSSV 370728 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110083		1,800,000.00	3,895,731,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THUY DUONG MSSV 390980 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161110084		6,880,000.00	3,902,611,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI MINH THU MSSV 390410 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110085		3,240,000.00	3,905,851,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI HOAN MSSV 381501 NOP HOC PHI HOC KY II (2015-2016)	103NT01161110086		3,600,000.00	3,909,451,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN TRUNG ANH MSSV 392915 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01161110087		3,060,000.00	3,912,511,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VO THI TAM MSSV 371627 NOP HOC PHI HOC KI II (2015-2016)	103NT01161110088		2,520,000.00	3,915,031,469.00
20/04/2016	20/04/2016	MA THI NUONG MSSV:382417 LOP 3824 NOP TIEN HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2015-2016	101NT01161110021		2,700,000.00	3,917,731,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DO THI NGOC MSV:380201 LOP 3802 NOP TIEN HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2015-2016	101NT01161110022		3,600,000.00	3,921,331,469.00

20/04/2016	20/04/2016	HOANG THI VAN ANH MSV:380206 LOP 3802 NOP TIEN HOC PHI HOC KY II NAM 2015-2016	101NT01161110023		3,240,000.00	3,924,571,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI PHUONG THAO MSSV 381441 NT HP	120NT01161110306		3,420,000.00	3,927,991,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG VAN DUNG MSSV 381181 NT HOC	120NT01161110307		6,450,000.00	3,934,441,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DANG THI HUYEN MY MSSV 392535 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110089		2,160,000.00	3,936,601,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI THAO MSSV 392626 NT HP	120NT01161110308		2,180,000.00	3,938,781,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI THAO NGUYEN MSSV 392635 NT HP	120NT01161110309		2,160,000.00	3,940,941,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM THI TRINH MSSV 392530 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110090		2,160,000.00	3,943,101,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN MAI HUONG MSSV 391146 NT HP	120NT01161110310		3,600,000.00	3,946,701,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN THI TUYET NHUNG MSSV 381539 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110091		3,600,000.00	3,950,301,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN MY HANH MSSV 371575 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110092		2,340,000.00	3,952,641,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN TUAN ANH MSSV 392543 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110093		2,160,000.00	3,954,801,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LUONG HANH DAY MSSV 390117 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110094		3,060,000.00	3,957,861,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LUONG TRONG NHAN MSV 390782 LOP 3907 NOP TIEN HOC PHI NAM 2015-2016	230NT02161110003		7,310,000.00	3,965,171,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN ANH TU MSSV 392541 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110095		2,160,000.00	3,967,331,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DO THU TRANG MSSV 372253 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110096		1,800,000.00	3,969,131,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI TUYEN MSSV 372453 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110097		1,800,000.00	3,970,931,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LY MY NGUYET MSSV 380111 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110098		3,600,000.00	3,974,531,469.00
20/04/2016	20/04/2016	MA THI THANH MSSV 380103 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110099		3,600,000.00	3,978,131,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DINH THI NGOC BICH MSSV 381051 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110100		3,600,000.00	3,981,731,469.00
20/04/2016	20/04/2016	THACH THI HOA SEN MSSV 381054 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110101		3,240,000.00	3,984,971,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LE THI THANH THAO MSSV 392855 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110102		2,160,000.00	3,987,131,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN HOANG LINH DUNG MSSV 392533 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110103		2,160,000.00	3,989,291,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HA VIET HONG MSV: 380968	120NT01161110312		3,420,000.00	3,992,711,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DANG THI LAN MSSV 392468 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110104		2,160,000.00	3,994,871,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LAM TIEN TAN MSV: 391766	120NT01161110313		2,880,000.00	3,997,751,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN QUOC PHUONG MSV: 381742	120NT01161110314		3,420,000.00	4,001,171,469.00

20/04/2016	20/04/2016	DANG HUYEN TRANG MSSV 370572 LOP 3705 NT HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2015-2016	105NT01161110033		1,980,000.00	4,003,151,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI THU MSV: 370738	120NT01161110315		2,160,000.00	4,005,311,469.00
20/04/2016	20/04/2016	BUI THI NHU QUYNH MSSV 392259 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110105		2,880,000.00	4,008,191,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHUNG THI THUONG MSV: 370313	120NT01161110316		1,800,000.00	4,009,991,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HAN KY DUYEN MSSV 392268 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110106		3,060,000.00	4,013,051,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VU DUY HIEU MSV: 382049	120NT01161110317		3,420,000.00	4,016,471,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI HUONG MSV: 380427	120NT01161110318		3,600,000.00	4,020,071,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI HUONG MSSV 370474 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01161110107		1,620,000.00	4,021,691,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG THI THAM MSV: 381404	120NT01161110319		3,420,000.00	4,025,111,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LE BAO NAM MSV: 381405	120NT01161110320		4,140,000.00	4,029,251,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN NAM TRANG MSSV:381463 NHP	120NT01161110321		4,500,000.00	4,033,751,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRINH HONG NGAN MSV: 381328	120NT01161110322		3,600,000.00	4,037,351,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN THI KIM DUNG MSV: 370431	120NT01161110323		1,800,000.00	4,039,151,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TO TUAN HOANG MSV: 380456	120NT01161110324		3,420,000.00	4,042,571,469.00
20/04/2016	20/04/2016	THAI THI DUNG MSV: 392817	120NT01161110325		2,880,000.00	4,045,451,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN HOANG NGOC HUE MSV 392812	120NT01161110326		2,160,000.00	4,047,611,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG THI HAU MSV 380667	120NT01161110327		3,600,000.00	4,051,211,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG THI BICH HONG NOP TIEN HOC PHI MSSV:370274	105NT01161110037		2,160,000.00	4,053,371,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI HOA MSV: 392613	120NT01161110328		2,160,000.00	4,055,531,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN THI NU MSV 381111	120NT01161110329		3,420,000.00	4,058,951,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN KIEU TRANG NOP TIEN HOC PHI MSSV:392319	105NT01161110038		2,160,000.00	4,061,111,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NHO CHUYEN NH LIEN VIET CN DONG DO,TRAN THI THU HUONG NT HOC PHI KY II NAM 2015-2016 MSSV:392065-SO TIN CHI 18- KHOA 39~NC:TRAN VAN CHINH - Nguoi chuyen: TRAN VAN CHINH	001CTD1161110818		3,240,000.00	4,064,351,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI KHANH LY NOP HOC PHI MSSV 391751~NC:NGUYEN THI KHANH LY - Nguoi chuyen: NGUYEN THI KHANH LY	001CTD1161110822		3,600,000.00	4,067,951,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI VAN NGA NOP TIEN HOC PHI MSSV:392318	105NT01161110039		2,160,000.00	4,070,111,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI DIEP.MSSV: 392432.NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110330		2,160,000.00	4,072,271,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI PHUONG. MSSV: 392443. NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110331		2,160,000.00	4,074,431,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN MY LINH.MSSV: 392447.NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110332		2,160,000.00	4,076,591,469.00

20/04/2016	20/04/2016	QUACH CONG LUAN.MSSV: 392406. NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110333		2,160,000.00	4,078,751,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DUONG VIET CUONG.MSSV: 391533 NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110334		3,600,000.00	4,082,351,469.00
20/04/2016	20/04/2016	PHAM HUY THUYET MSV: 392449	120NT01161110335		2,160,000.00	4,084,511,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI MAI HUONG MSV: 392819	120NT01161110336		2,880,000.00	4,087,391,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI VIET TRINH MSV: 392463	120NT01161110337		2,160,000.00	4,089,551,469.00
20/04/2016	20/04/2016	DAO THI DIEN MSV: 392821	120NT01161110338		2,880,000.00	4,092,431,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VU BAO TRAM.MSSV: 390964	120NT01161110339		2,880,000.00	4,095,311,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN THI BICH PHUONG MSV 371013 LOP 3710 KHOA 37~NC:VU THI TAM - Nguoi chuyen: VU THI TAM	001CTD1161110796		1,620,000.00	4,096,931,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LE THI THUY.MSSV: 380533	120NT01161110341		3,060,000.00	4,099,991,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI PHUONG THAO.MSSV: 382416. LOP 3824. KHOA 38 HOC KI II 2015-2016	120NT01161110342		3,420,000.00	4,103,411,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LUONG NGOC HUYEN MSV 392814 NT	120NT01161110343		2,160,000.00	4,105,571,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VU NGOC THANH HOA MSV 392657 NT	120NT01161110344		2,160,000.00	4,107,731,469.00
20/04/2016	20/04/2016	LAI LE THU.MSSV: 391047	120NT01161110345		14,040,000.00	4,121,771,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN NGOC ANH.MSSV: 381253	120NT01161110346		3,240,000.00	4,125,011,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGO TUAN DAT.MSSV: 390135	120NT01161110347		3,600,000.00	4,128,611,469.00
20/04/2016	20/04/2016	TRAN TRUNG NGHIA.MSSV: 371673	120NT01161110348		540,000.00	4,129,151,469.00
20/04/2016	20/04/2016	HOANG THI LAN.MSSV: 392102. NOP TIEN HOC PHI	120NT01161110349		3,420,000.00	4,132,571,469.00
20/04/2016	20/04/2016	NGUYEN THI MAI LINH MSV 370468	120NT01161110350		2,880,000.00	4,135,451,469.00
20/04/2016	20/04/2016	VU NGOC LINH CHI.MSSV: 382224	120NT01161110351		3,240,000.00	4,138,691,469.00
Cộng doanh số Total					1,813,475,000.00	
Số dư cuối kỳ Ending Balance						4,138,691,469.00

Đề nghị Quý khách kiểm tra lại bảng sao kê này và thông báo ngay sai sót cho Ngân Hàng TMCP Bưu điện Liên Việt trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận được bảng sao kê.

Please examine this statement and advise us of any discrepancy within 14 days upon receipt.

Người lập

Kiểm soát

Sao kê chi tiết từ **20/04/2016** đến **20/04/2016**

From date To date

Mã khách hàng :**99999881** Số cũ: 120003469

CIF NO

Loại tiền : **VND**

Currency

Tên tài khoản : **TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI-TGTT VND**

Account Name

Số tài khoản : **999998819999** Số cũ: 41201200034697040106

Account Number

Tên khách hàng : **TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI**

Customer Name

Địa chỉ : **SO 87 NGUYEN CHI THANH . Q.DONG DA TP.HA NOI**

Address

Ngày in : **21/04/2016**

Printing date

Ngày giao dịch <i>Txn. date</i>	Ngày hiệu lực <i>Value date</i>	Nội dung giao dịch <i>Description</i>	Số giao dịch <i>Txn. No</i>	Ghi nợ <i>Debit</i>	Ghi có <i>Credit</i>	Số dư <i>Balance</i>
Số dư đầu kỳ Opening Balance						1,427,650,803.00
20/04/2016	20/04/2016	DO THI THANH TINH MSV 372515 LOP3725 NT HOC PHI	123NT01161110003		1,800,000.00	1,429,450,803.00
Cộng doanh số Total					1,800,000.00	
Số dư cuối kỳ Ending Balance						1,429,450,803.00

Đề nghị Quý khách kiểm tra lại bằng sao kê này và thông báo ngay sai sót cho Ngân Hàng TMCP Bưu điện Liên Việt trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận được bằng sao kê.

Please examine this statement and advise us of any discrepancy within 14 days upon receipt.

Người lập

Kiểm soát